

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1622/NMĐSH1-KTATMT

Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2025

V/v cung cấp báo giá: Mua sắm bộ ứng cứu
xì bình Clo loại dùng cho bình năm 1000kg
(GT2025-192)

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai công tác “Mua sắm bộ ứng cứu xì bình Clo loại dùng cho bình năm 1000kg (GT2025-192)”. Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, cung cấp báo giá cho công tác nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hoá như Phụ lục đính kèm
 - Hàng hoá mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024.
 - Cung cấp tài liệu Nhà sản xuất, cung cấp CO/CQ hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.
2. Tiến độ thực hiện: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 25/07/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Nguyễn Huỳnh Mai - Phòng Kỹ thuật – An toàn Môi trường, NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

SĐT: 0943.986.360

Email: haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; mainh1@pvpgb.vn; duydt@pvpgb.vn; hanhxx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy: Nguyễn Anh Tuấn (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (N.H.M).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC
(Đính kèm Công văn số 1622/NMNĐSH1-KTATMT ngày 18/7/2025)

1	Danh mục vật tư					
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ ứng cứu xì bình Clo loại lớn, loại dùng cho bình nằm 500-1000kg	Thông số kỹ thuật cấu tạo Bình chứa Clo: -Tiêu chuẩn thiết kế chế tạo: ASME SEC XII 2015 EDITION; -Mã hiệu bình: LD770 x 1595 TL/TL; -Đặt điểm kết cấu bình: Thân trụ, hai đáy cong dạng Elip 2:1 đặt thẳng đứng; -Số chế tạo/kiểm định bình: SH1-DOT/LLM18.B/D003/2017; -Áp suất thiết kế, tính toán: 19,5 bar; -Áp suất làm việc: 19,5 bar; -Nhiệt độ môi chất lớn nhất: 65 độ C; -Dung tích chứa: 726 lít; Thông số về các bộ phận chính của bình: 1. Thân trụ -Đường kính trong: 770mm; -Độ dày: 16mm; -Chiều dài: 1505mm; -Mã hiệu kim loại chế tạo: SA-516 Gr.70N; -Phương pháp chế tạo: Cuốn hàn; 2. Đáy trên -Đường kính trong: 770mm; -Độ dày: 18mm; -Chiều dài: 206,5mm; -Mã hiệu kim loại chế tạo: SA-516 Gr.70N; -Phương pháp chế tạo: Gò dập; 3. Đáy dưới -Đường kính trong: 770mm; -Độ dày: 18mm; -Chiều dài: 206,5mm; -Mã hiệu kim loại chế tạo: SA-516 Gr.70N; -Phương pháp chế tạo: Gò dập;	Châu Âu/G7/OECD	bộ	1	

2 Yêu cầu khác

Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ

Chất lượng hàng hóa:

Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở về sau và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng

Chứng từ kèm theo hàng hóa:



Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) cung cấp bởi nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu có tính chất tương tự

Cam kết bảo hành của bên bán: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.

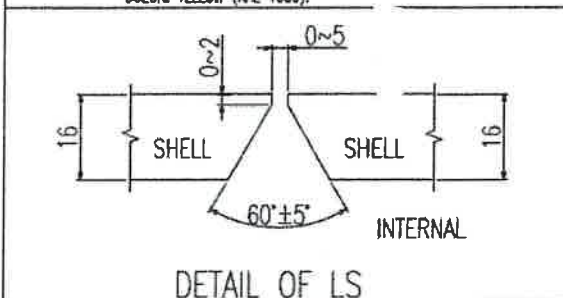
1:01
CH
HÁT Đ
P ĐOÀN
ANG LU
VII
H P

GENERAL SPECIFICATION

DESIGN CODE	ASME SEC. III, 2015 EDITION		
REFERENCE CODE	10V1 B366/2010 (FOR HYDROSTATIC TEST PRESSURE ONLY)		
	(PRESSURE VESSELS - REQUIREMENT OF DESIGN AND MANUFACTURE)		
VESSEL CLASS	CLASS 1		
QUANTITY	set	36	
FLUID	LIQUEFIED CHLORINE		
LETHAL	YES		
VOLUMETRIC (WATER) CAPACITY	liter	726	
GAS CAPACITY	liter	863	
DESIGN PRESSURE (DP) - INT./EXT.	bar/g	19.5 / FULL VACUUM	
MIN. ALLOW. WORKING PRESSURE-WAMP	bar/g	19.5	
MAX. EXTERNAL ALLOW. WORKING PRESSURE-WAMP	bar/g	1.0	
HYDROSTATIC TEST PRESSURE	bar/g	29.25 (= 1.5*DP)	
MIN. BURSTING PRESSURE	bar/g	86.0	
DESIGN TEMPERATURE - MAX/MIN	°C	65/-40	
MIN. DESIGN METAL TEMP. (MONT)	°C	-40	
FUSIBLE METAL MELTING POINT	°C	74 (+0/-3)	
WIND LOADING	N/A		
CYCLIC SERVICE	N/A		
FATIGUE ANALYSIS	N/A		
SEISMIC LOADING	N/A		
RADIOGRAPHY	100% (RT 1)		
JOINT EFFICIENCY	1.0		
CORROSION ALLOWABLE	mm	INSIDE: 2.5 OUTSIDE: 0	
PHWT	YES (SEE NOTE 6)		
IMPACT TEST	NONE (SEE NOTE 7)		
PAINTING (SPECIFICATION)	INTERNAL: NONE EXTERNAL: YES (NOTE 8)		
INSULATION THICKNESS	mm	NO	
EMPTY WEIGHT	kg	~859	
OPERATING WEIGHT	kg	~1891	
TEST WEIGHT (FULL WATER)	kg	~1772	

NOTES:

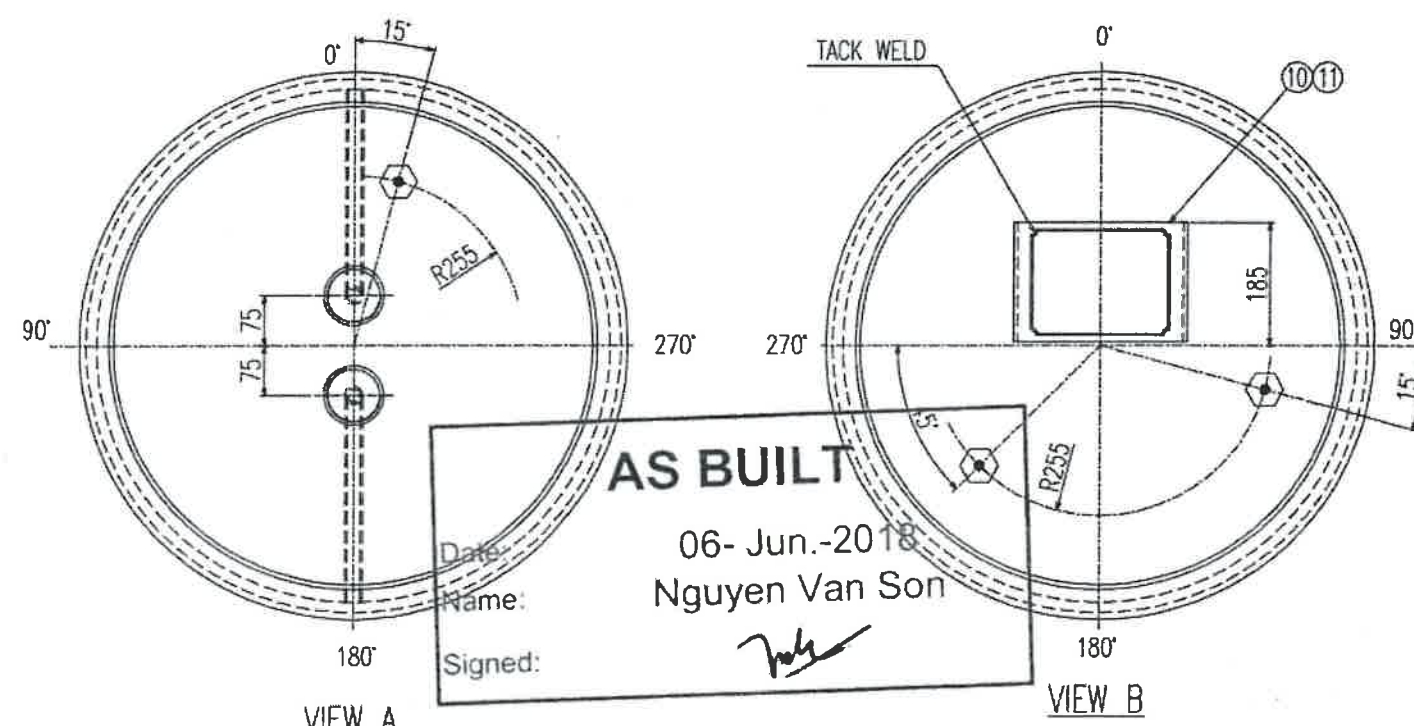
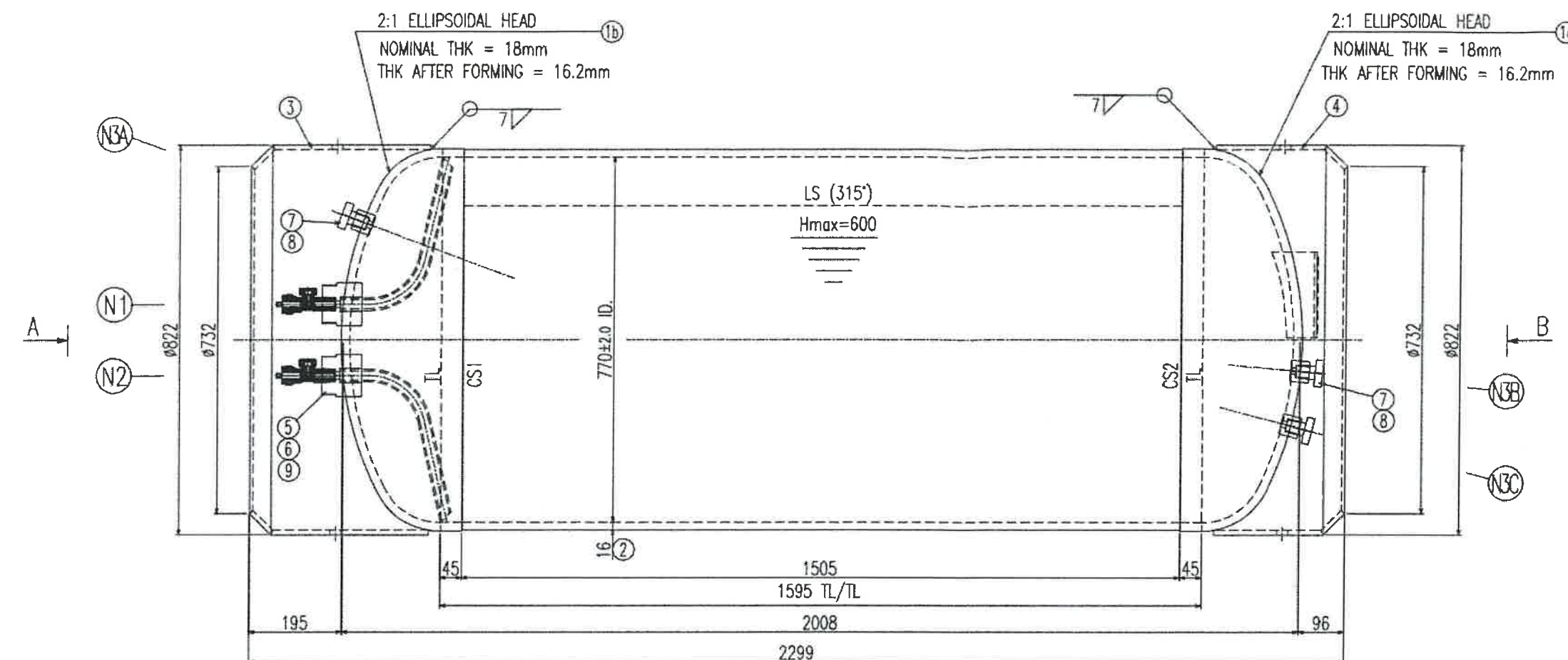
- ALL DIMENSION IN MM. UNLESS STATED OTHERWISE.
 - MAXIMUM PERMISSIBLE OUT-OF-ROUNDNESS OF CYLINDRICAL SHELL SHALL BE:
- $e_{max} = ID_{max} - ID_{min} = 7.1mm$
IN ACCORDANCE WITH TF-120.2 OF ASME XII, 2015 ED.
 - THE MATERIAL SPECIFICATION OF SHELL HEADS, NOZZLE SHALL BE COMPLIED WITH ASME SEC.III, PART A, 2015 EDITION.
 - MANUFACTURING TOLERANCE SHALL BE REFERRED TO DIMENSION CONTROL PROCEDURE, PROCEDURE NO.: LLM18/OP 04-02 REV.3.
 - OTHER TOLERANCE:
- FOR PIPE: AS PER ASME B36.10M 2015ED.
 - PHWT REQUIREMENTS: ALL WELDING JOINTS SHALL BE PERFORMED AS PER TABLE TF-710-1(a)
- MIN. NORMAL HOLDING TEMPERATURE: 595°C
- MIN. HOLDING TIME: 1 HR/25mm, 15 MINUTE MINIMUM.
 - IMPACT TEST REQUIREMENT: NOT REQUIRED AS PER ARTICLE TM-240 OF ASME SECTION XII, 2015 ED.
 - SURFACE PREPARATION STANDARD: SA2.5/SSPC SP10 WITH STEEL GRID CH25 OR 40, ACCORDING SAE J1393.
- PAINTING:
+ PRIMER: 2-PACK EPOXY (THICKNESS: 60µm DFT). COLOR: GREY.
+ INTERMEDIATE: 2-PACK EPOXY (THICKNESS: 200µm DFT). COLOR: WHITE.
+ FINISH: 2-PACK POLYURETHANE (THICKNESS: 60µm DFT). COLOR: YELLOW (RAL 1003).



MARK	SERVICE	SIZE	QTY	FLANGE	REMARK	POSITION
N1	Liquid	3/4"-14NGT	1	-	CGA 660/820	SIDE
N2	Vapor	3/4"-14NGT	1	-	CGA 660/820	SIDE
N3A/B/C	Safety	3/4"-14NGT	3	-	CGA 660/820	SIDE

CLIENT: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)

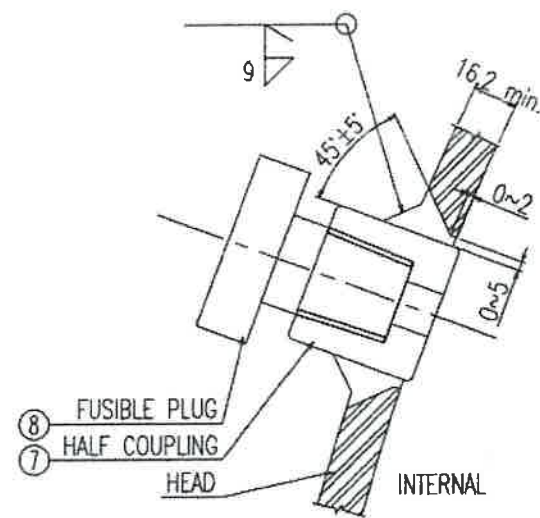
MANUFACTURER		LILAMA18 JSC	
PROJECT:		SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT (2X600MW)	
ITEM:	MCWS-GAS CHLORINATION SYSTEM	JOB NUMBER:	SH1-DOT/LLM18/2017
	CHLORINE TON CONTAINER		
TITLE:	GENERAL ARRANGEMENT	MANUFACTURER SERIAL NUMBER:	SH1-DOT/LLM18/0001-036/2017
AB.D	06/06/18 FOR AS-BUILT	SCALE:	NOT TO SCALE
14/11/17 FOR CONSTRUCTION	NYS	NLS	TAT
10/09/17 FOR CONSTRUCTION	NYS	NLS	TAT
08/01/17 FOR CONSTRUCTION	NYS	NLS	TAT
05/22/17 FOR CONSTRUCTION	NYS	NLS	TAT
03/21/17 SUBMIT FOR AP.	NYS	NLS	TAT
REV.	DATE	DESCRIPTION	DESIGN
		CHECK	REVIEW
		APPROVAL	



MARK	DESCRIPTION	MATERIAL	Q'TY	UNIT	UNIT WEIGHT (kg)	TOTAL WEIGHT (kg)	REMARK
11	NAMEPLATE BRACKET, 6T	SA-516 Gr.70N	1	EA	6.1	6.1	
10	NAMEPLATE 2T	SS316	1	EA	0.3	0.3	
9	CYLINDER VALVE - 3/4"-14NGT (CL)-1 CGA OUTLET 660/820		2	EA	-	-	Sherwood Model: 1214X1-B1
8	FUSIBLE PLUG - 3/4"-14NGT (CL)-1 CGA OUTLET 660/820	Brass	3	EA	-	-	Sherwood Model: 1333-N1
7	HALF-COUPLING - 3/4"-14NGT (CL)-1 CGA INLET 660/820	SA-350 LF2 Cl.1	3	EA	-	-	6000 lbs
TOTAL							
BILL OF MATERIALS							

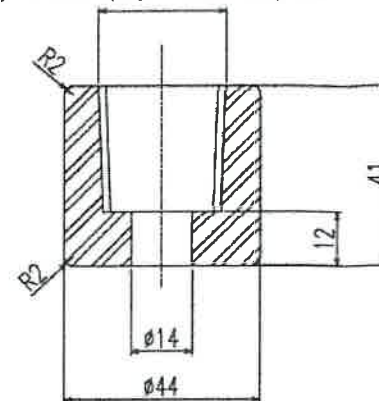
6	INTERNAL PIPE - 3/4" SCH.80	SA-333 Gr.6	2	EA	1.0	2.1	
5	CYLINDER VALVE NECK - 3/4"-14NGT (CL)-1 CGA INLET 660/820	SA-350 LF2 Cl.1	2	EA	-	-	6000 lbs
4	FOOT PROTECTOR	SA-516 Gr.70N	1	EA	59.4	59.4	
3	HEAD PROTECTOR	SA-516 Gr.70N	1	EA	79.1	79.1	
2	SHELL	SA-516 Gr.70N	1	EA	466.5	466.5	
1	2:1 ELLIPSOIDAL HEAD	SA-516 Gr.70N	2	EA	122.3	244.6	
TOTAL							
BILL OF MATERIALS							

DWG. NO
SH1-LLM18-DW-001
SH. 01 OF 04

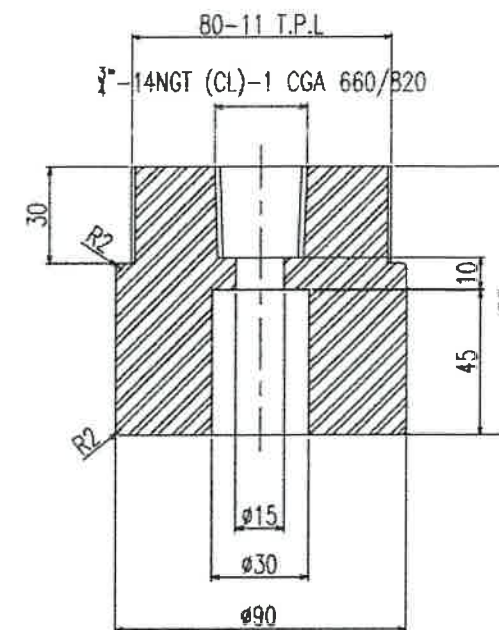


DETAIL OF SAFETY DEVICE

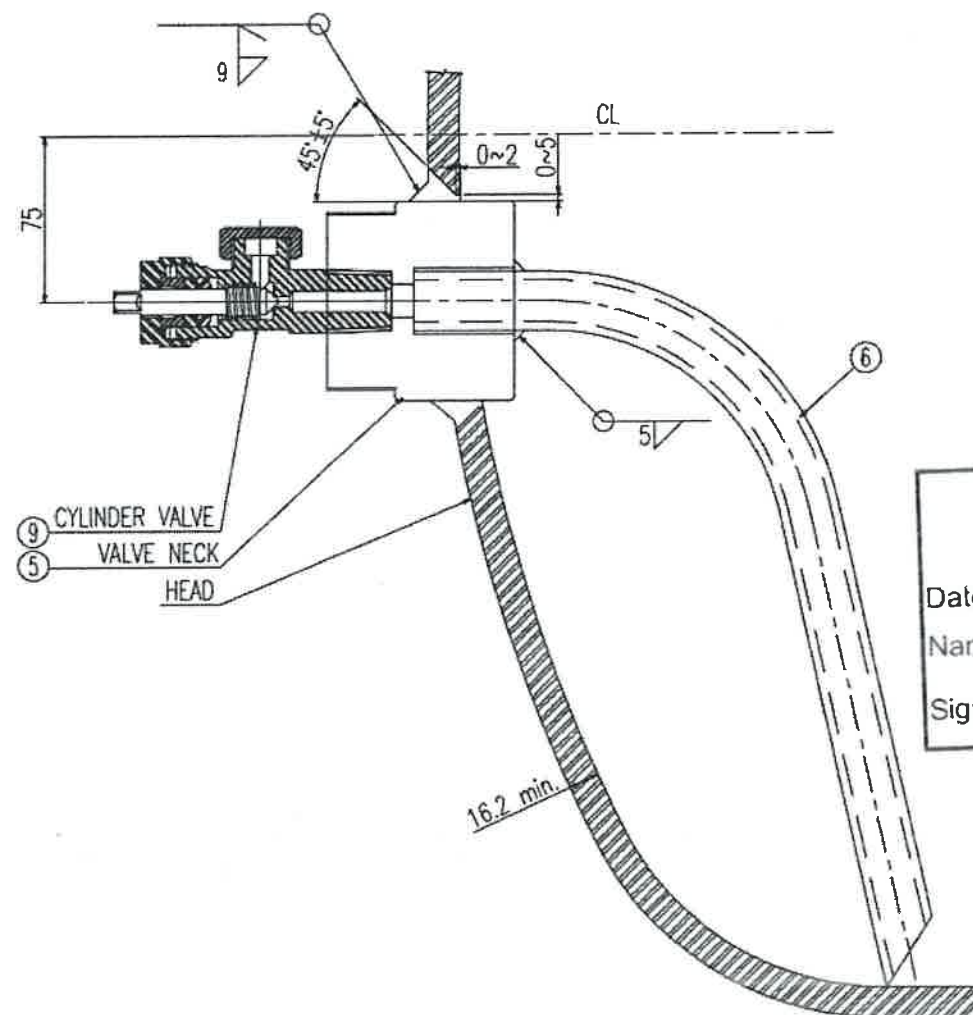
1/2"-14NGT (CL)-1 CGA 660/820



7 DETAIL

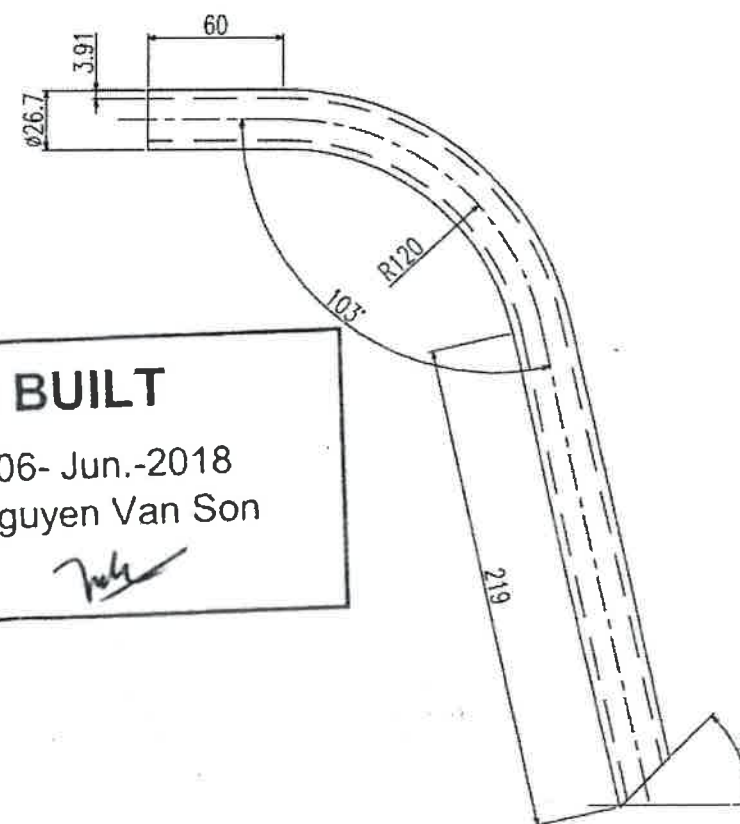


5 DETAIL



DETAIL OF CYLINDER VALVE CONNECTION

AS BUILT
 Date: 06- Jun.-2018
 Name: Nguyen Van Son
 Signed: *[Signature]*



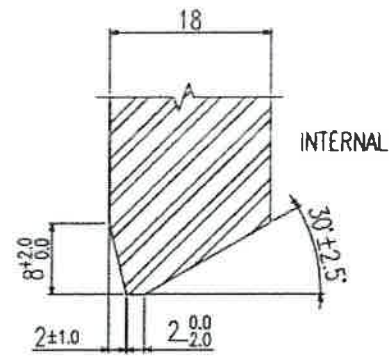
6 DETAIL

NOTES:

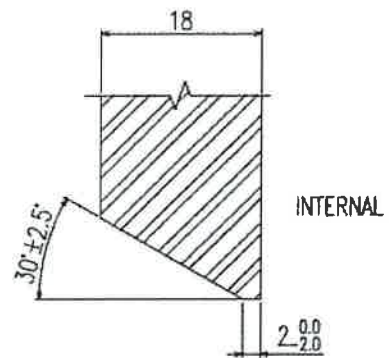
1. ALL DIMENSION IN MM. UNLESS STATED OTHERWISE.

CLIENT: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)									
		MANUFACTURER LILAMA18 JSC							
PROJECT: SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT (2X600MW)									
ITEM: MCWS-GAS CHLORINATION SYSTEM CHLORINE TON CONTAINER						JOB NUMBER: SH1-DOT/LLM18/2017			
TITLE: DETAIL OF NOZZLES						MANUFACTURER SERIAL NUMBER: SH1-DOT/LLM18.8/0001-036/2017			
AB.0	06/06/18	FOR AS-BUILT							
	14/11/17	FOR CONSTRUCTION	N.V.S	N.T.S	T.A.T	UNB	DWG. NO SH1-LLM18-DM-001 SH. 02 OF 04		
	10/09/17	FOR CONSTRUCTION	N.V.S	N.T.S	T.A.T	UNB			
	08/01/17	FOR CONSTRUCTION	N.V.S	N.T.S	T.A.T	UNB			
	05/22/17	FOR CONSTRUCTION	N.V.S	N.T.S	T.A.T	UNB			
	03/21/17	SUBMIT FOR AP.	N.V.S	N.T.S	T.A.T	UNB			
REV.	DATE	DESCRIPTION	DESIGN	CHECK	REVIEW	APPROVAL			

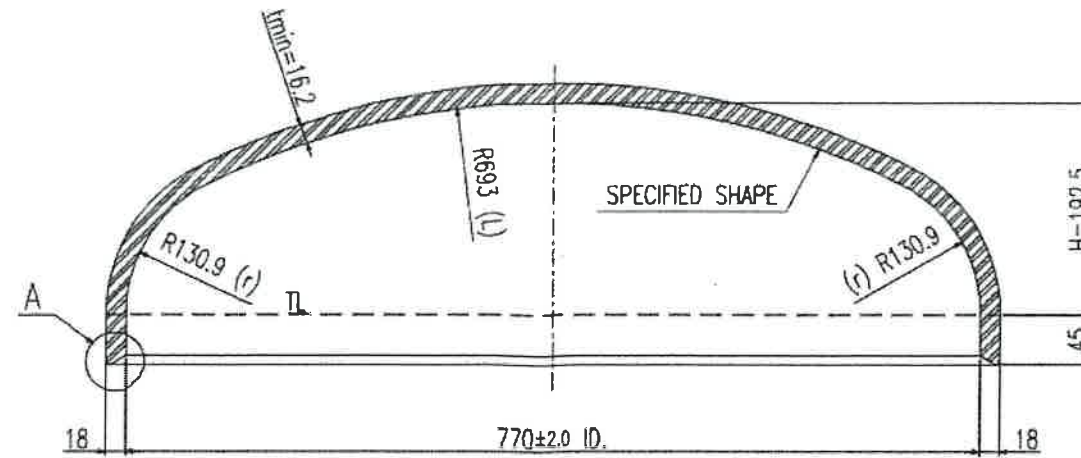
DWG. NO
 SH1-LLM18-DB-001
 SH. 02 OF 04



DETAIL A

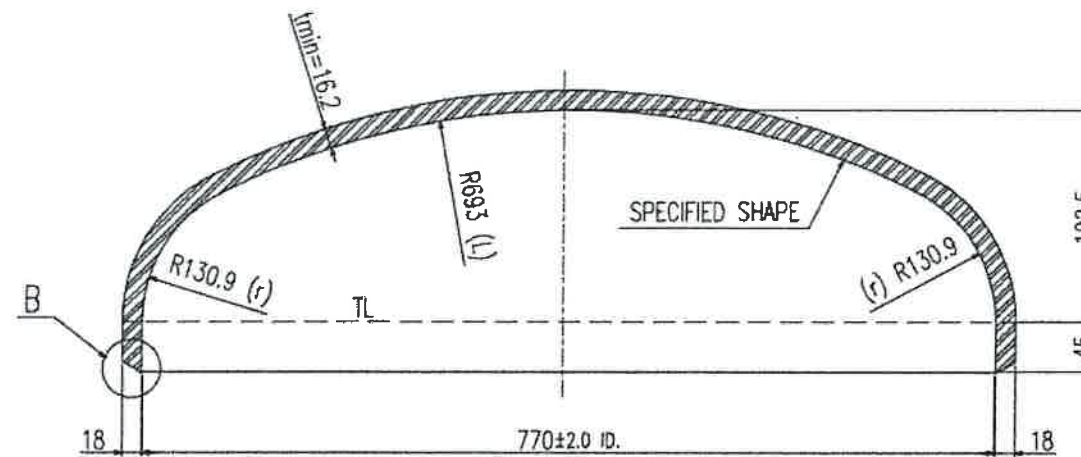


DETAIL B



2:1 ELLIPSOIDAL HEAD (1b)

MAT'L: SA-516-70N
Q'TY: 01 EA/SET



2:1 ELLIPSOIDAL HEAD (1a)

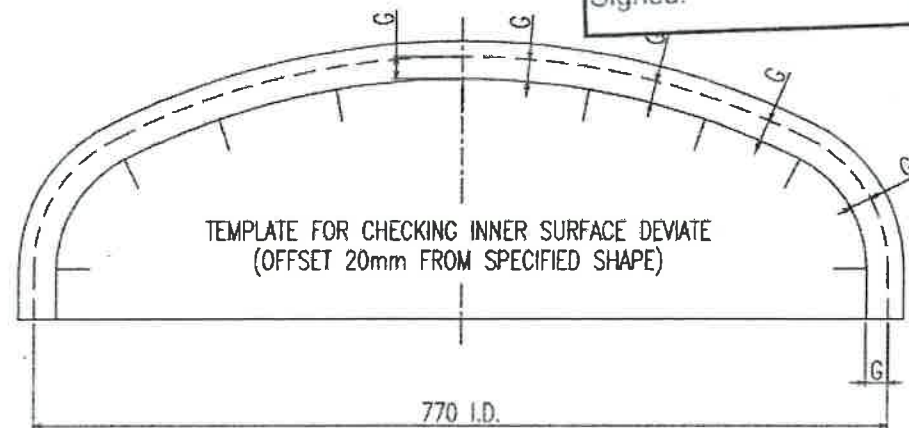
MAT'L: SA-516-70N
Q'TY: 01 EA/SET

AS BUILT

Date: 06- Jun.-2018

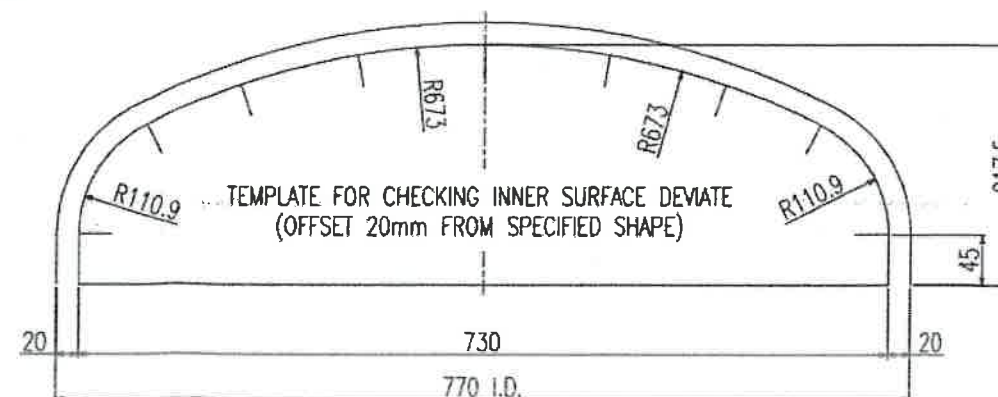
Name: Nguyen Van Son

Signed: *[Signature]*



CHECK GAP BETWEEN TAMPLATE & HEAD

G_{max} = 29.6mm
G_{min} = 15.2mm
ABRUPT SHAPE IS NOT ACCEPTED.



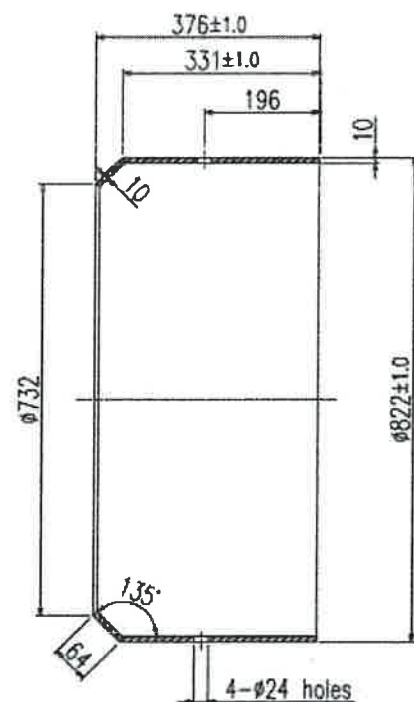
TEMPLATE DETAIL

NOTES:

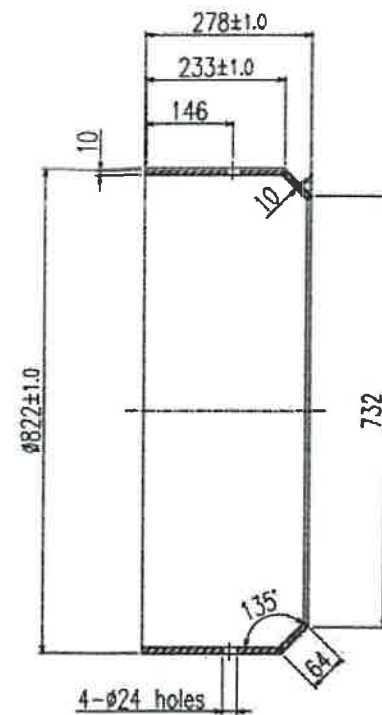
- ALL DIMENSION IN MM. UNLESS STATED OTHERWISE.
- THE HEADS SHALL BE OF ONE PIECE, AND HOT FORMED IN ONE HEATING CYCLE AS PER PARA 4-6.2 OF MODAL APPENDIX 4, ASME SEC. XII, 2015ED.
- THE MATERIAL SPECIFICATION OF HEADS SHALL BE COMPLIED WITH ASME SEC.II, PART A, 2015ED.
- TOLERANCE ACCORDING TO ASME SEC. XII, 2015ED. - TF-120.3 AS FOLLOWING:
 - ROUNDNESS OF STRAIGHT SKIRT:
ID_{max} - ID_{min} ≤ 7.1mm.
 - KNUCKLE RADIUS (r) ≥ 130.9mm.
 - CROWN RADIUS (L) ≥ 693mm.
 - INNER SURFACE DEVIATE OF SPECIFIED SHAPE:
+ OUTSIDE DEVIATE ≤ 1.25% ID = 9.6mm.
+ INDISE DEVIATE ≤ 0.625% ID = 4.8mm.
 - H TOLERANCE: 187.7mm ≤ H ≤ 202.1mm.
 - PERIPHERAL I.D. TOLERANCE = ±6.0mm.
- MT FOR OUTSIDES IS REQUIRED AFTER FORMING IN ACCORDANCE WITH ARTICLE 7, ASME SECT. V, 2015ED.
- FORMING MANUFACTURER'S NAME OR TRADEMARK AND IDENTIFICATION NUMBER SHALL BE STAMPED ON FORMED HEADS.

CLIENT: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)						
		MANUFACTURER LILAMA18 JSC				
PROJECT: SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT (2X600MW)						
ITEM: MCWS-GAS CHLORINATION SYSTEM CHLORINE TON CONTAINER			JOB NUMBER: SH1-DOT/LLM18/2017			
TITLE: DETAIL OF ELLIPSOIDAL HEAD			MANUFACTURE SERIAL NUMBER: SH1-DOT/LLM18.8/0001-436/2017			
AS.D	06/06/18	FOR AS-BUILT				SCALE: NOT TO SCALE
	14/11/17	FOR CONSTRUCTION	N.Y.S	N.T.S	T.A.T	L.N.B
	10/09/17	FOR CONSTRUCTION	N.Y.S	N.T.S	T.A.T	L.N.B
	09/01/17	FOR CONSTRUCTION	N.Y.S	N.T.S	T.A.T	L.N.B
	05/22/17	FOR CONSTRUCTION	N.Y.S	N.T.S	T.A.T	L.N.B
	03/21/17	SUBMIT FOR AP.	N.Y.S	N.T.S	T.A.T	L.N.B
REV.	DATE	DESCRIPTION	DESIGN	CHECK	REVIEW	APPROVAL

DWG. NO
SH1-LLM18-DF-001
SH. 03 OF 04



③ DETAIL
(HEAD PROTECTOR)
MAT'L: SA-516-70N
Q'TY: 01 EA/SET



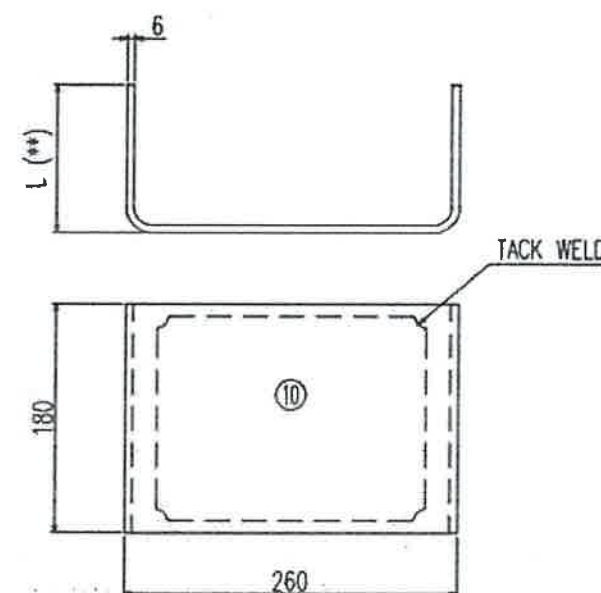
④ DETAIL
(FOOT PROTECTOR)
MAT'L: SA-516-70N
Q'TY: 01 EA/SET

AS BUILT

Date: 06-Jun.-2018
Name: Nguyen Van Son
Signed: *[Signature]*

210	
12	39
38	43
28	17
21	12
160	
3	
SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT (2x600MW) NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1 (2x600MW)	
ITEM NO. CHLORINE TON CONTAINERS SERVICE: LIQUEFIED CHLORINE HÀNG MỤC: BÌNH CHỨA CLO. NỘI CHẤT: CLO LỎNG	
DESIGN CODE: ASME XII, 2015ED. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ:	SHELL MAT'L: SA-516-70N. 16 mm min. VẬT LIỆU THÂN BÌNH:
INSIDE DIA. 770 mm BƯỚC NỐI TRONG:	HEAD MAT'L: SA-516-70N. 16.2 mm min. VẬT LIỆU CHÉM NỐI:
OVERALL LENG 2299 mm CHỈ DẪN TỔNG THỂ:	WATER CAPAC 26 L GAS 863 L THỂ TÍCH CHỨA CLO:
DESIGN PRESS 9.5 barg ÁP BUILT THIẾT KẾ:	RADIOGRAPH 100% RT 1 CHẨN ẢNH PHÒNG X:
DESIGN TEMP 5 / -40 °C NHIỆT ĐỘ THIẾT KẾ:	P. W. H. T. FULL XỬ LÝ NHIỆT:
HYD. TEST PRESS 9.25 barg ÁP BUILT THỬ NƯỚC:	DATE BUILT 2018 NGÀY CHẾ TẠO:
EMPTY WEIGHT: 859 kg KHỐI LƯỢNG Rỗng:	MER'S SERIAL NO 1-DOT/LLM18.B/D00X/2017 SỐ CHẾ TẠO:
MANUFACTURER LILAMA18 JOINT STOCK COMPANY TÊN NHÀ CHẾ TẠO: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18	
59	122
29	

DETAIL OF NAMEPLATE ⑩
(**): SEE NOTE 3)



DETAIL OF NAMEPLATE BRACKET ⑪
(**): SEE NOTE 4)

NOTES:

1. ALL DIMENSION IN MM. UNLESS STATED OTHERWISE.
2. THE MATERIAL SPECIFICATION OF HEAD PROTECTORS SHALL BE COMPLIED WITH ASME SEC.II, PART A, 2015ED.
3. D00X: SERIES OF NUMBER STARTING FROM D001 TO D036.
4. DIMENSION L SHALL BE CUT AT SHOP.

CLIENT: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)	
MANUFACTURER: LILAMA18 JSC	
PROJECT: SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT (2x600MW)	
ITEM: MCWS-GAS CHLORINATION SYSTEM CHLORINE TON CONTAINER	JOB NUMBER: SH1-DOT/LLM18/2017
TITLE: DETAIL OF NON-PRESSURED PARTS	MANUFACTURER SERIAL NUMBER: SH1-DOT/LLM18.B/D001-036/2017
ABLO 06/06/18 FOR AS-BUILT	SCALE: NOT TO SCALE
14/11/17 FOR CONSTRUCTION	NYS NTS TAT LNB
10/09/17 FOR CONSTRUCTION	NYS NTS TAT LNB
09/01/17 FOR CONSTRUCTION	NYS NTS TAT LNB
05/22/17 FOR CONSTRUCTION	NYS NTS TAT LNB
03/21/17 SUBMIT FOR AP.	NYS NTS TAT LNB
REV. DATE DESCRIPTION DESIGN CHECK REVIEW APPROVAL	

2036
LILAMA18

DWG. NO
SH1-LLM18-D01
SH. 04 OF 04